

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

PHAN ĐÌNH MẠNH

**PHÁT TRIỂN CÂY CAO SU
Ở HUYỆN SA THÀY, TỈNH KON TUM**

Chuyên ngành: Kinh tế phát triển

Mã số: 60.31.05

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Đà Nẵng - Năm 2011

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: TS. Ninh Thị Thu Thủy

Phản biện 1: PGS.TS. Bùi Quang Bình

Phản biện 2: TS. Nguyễn Duy Thục

Luận văn được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp
Thạc sĩ Kinh tế họp tại Đà Nẵng vào ngày 27 tháng 11 năm 2011

Có thể tìm hiểu luận văn tại :

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI

Cây cao su có tên gốc là cây Hêvê (Hévéa) mọc dọc theo sông Amazone ở Nam Mỹ và các vùng kế cận. Vào cuối năm 1840, hạt cao su được lấy ở lưu vực sông Amazone đem sang nước Anh ươm giống rồi trồng ở các nước Nam Á. Cây cao su được du nhập vào nước ta năm 1897, trải qua hơn 100 năm ở Việt Nam cây cao su đã trở thành cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao, khả năng thích ứng rộng, tính chống chịu với điều kiện bất lợi cao và là cây bảo vệ môi trường nên được nhiều nước có điều kiện kinh tế - xã hội thích hợp quan tâm phát triển với quy mô diện tích lớn. Sản phẩm chính của cây cao su là mủ cao su được dùng làm nguyên liệu đầu vào quan trọng trong nhiều ngành công nghiệp, đặc biệt là ngành giao thông vận tải. Bên cạnh đó, sản phẩm phụ của cây cao su như hạt cao su cho tinh dầu quý, gỗ cao su làm nguyên liệu giấy, làm hàng mủ phục vụ nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu ..., cây cao su còn có vị trí quan trọng trong việc bảo vệ đất và cân bằng sinh thái.

Sa Thầy là một huyện biên giới nằm phía Tây của tỉnh Kon Tum có lợi thế về điều kiện tự nhiên, đất đai màu mỡ, mặt nước để phát triển sản xuất nông nghiệp đa dạng và phong phú, có tiềm năng quỹ đất to lớn cho phép phát triển mạnh cây cao su. Trong những năm qua, theo định hướng phát triển kinh tế của tỉnh, diện tích trồng cây cao su trên địa bàn huyện đã phát triển nhanh chóng, góp phần không nhỏ đến việc cải thiện đời sống của người dân cũng như thay đổi diện mạo nơi đây. Phát triển cây cao su trên địa bàn huyện bước đầu đã đạt được những thắng lợi quan trọng, bên cạnh đó vẫn còn bộc

lộ nhiều hạn chế nhất định làm ảnh hưởng đến việc phát triển cây cao su tiểu điền không đạt hiệu quả kinh tế cao nhất như mong muốn.

Xuất phát từ tình hình thực tế đó, tôi quyết định chọn đề tài: **“Phát triển cây cao su ở huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum”**.

2. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU

Đề tài chủ yếu nghiên cứu về thực trạng phát triển sản xuất cây cao su trên địa bàn huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum để tìm ra các giải pháp phát triển sản xuất của huyện trong thời gian tới. Đề tài dựa trên cơ sở các công trình đã nghiên cứu và các bài viết liên quan:

- Phân tích ngành hàng cao su trên địa bàn tỉnh Kon Tum của tác giả Nguyễn Quang Hoà, luận văn thạc sỹ kinh tế nông nghiệp, Đại học Nông nghiệp I, Hà Nội.

- Trần An Phong, Trần Văn Doãn, Nguyễn Văn Chính, Nguyễn Võ Linh (1997), *Tổng quan phát triển ngành cao su Việt Nam thời kỳ 1996 - 2005*, Hà Nội.

- Báo cáo phân tích triển vọng ngành cao su tự nhiên của tác giả Nguyễn Tiến Đạt trên trang web www.smes.vn đăng ngày 7/4/2011.

- Nguyễn Mạnh Hải (2005), *Báo cáo cao su năm 2005*, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Hà Nội.

- Dự án đa dạng hoá nông nghiệp, Bộ Nông nghiệp và PTNT (2004), *Hướng dẫn về phát triển cao su tiểu điền trong Dự án đa dạng hoá nông nghiệp*, Hà Nội.

- Tạp chí khoa học Đại học Huế số 26A, 2010 về phát triển cây cao su ở Thừa thiên Huế của tác giả Phùng Thị Hồng Hà.

3. MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU

- Hệ thống hóa những vấn đề lý luận về phát triển sản xuất cây cao su.

- Phân tích, đánh giá thực trạng cũng như kết quả, hiệu quả sản xuất và tiêu thụ cao su trên địa bàn huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum.

- Đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển sản xuất cao su trên địa bàn huyện Sa Thầy trong thời gian tới.

4. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận văn chỉ tập trung nghiên cứu những vấn đề kinh tế và quản lý về sản xuất cao su tiêu điền của các hộ nông dân trên địa bàn huyện Sa Thầy.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về mặt không gian: Huyện Sa Thầy, Tỉnh Kon Tum.

- Thời gian nghiên cứu: Đánh giá thực trạng phát triển sản xuất cây cao su chủ yếu tập trung vào giai đoạn 2000- 2010, định hướng đến năm 2015.

5. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- Phương pháp duy vật biện chứng để xem xét các hiện tượng trong mối quan hệ tác động qua lại lẫn nhau.

- Phương pháp phân tổ thống kê để đánh giá mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến kết quả và hiệu quả sản xuất, kinh doanh cây cao su.

- Phương pháp điều tra thống kê nhằm thu thập số liệu có liên quan đến đề tài. Số liệu thứ cấp được thu thập từ chính quyền và các ban ngành địa phương.

- Phương pháp quy đổi tất cả các khoản đầu tư của các năm về hiện giá tại thời điểm hiện tại để xem xét năm hoàn vốn đầu tư của nông hộ.

6. Ý NGHĨA KHOA HỌC VÀ THỰC TIỄN CỦA ĐỀ TÀI

- Hệ thống hoá được những vấn đề lý luận và thực tiễn về phát triển sản xuất cây cao su, các nhân tố tác động đến phát triển sản xuất cây cao su, kinh nghiệm của một số địa phương về trồng cây cao su và những bài học bổ ích có thể rút ra cho huyện Sa Thầy.

- Đánh giá thực trạng phát triển sản xuất cây cao su huyện Sa Thầy trong những năm vừa qua, chỉ ra được những thành quả cũng như cũng như những mặt còn hạn chế, yếu kém của huyện trong việc phát triển sản xuất cây cao su và các nguyên nhân sâu xa dẫn đến tình hình đó.

- Đề ra các quan điểm, phương hướng và giải pháp có cơ sở khoa học và có tính khả thi nhằm phát triển sản xuất bền vững cây cao su ở huyện Sa Thầy.

7. CẤU TRÚC CỦA LUẬN VĂN

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục các tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn được chia làm ba chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về phát triển cây cao su.

Chương 2: Thực trạng phát triển sản xuất cây cao su trên địa bàn huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum.

Chương 3: Giải pháp phát triển sản xuất cao su ở huyện Sa Thầy trong thời gian tới.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN CÂY CAO SU

1.1. ĐẶC ĐIỂM, VAI TRÒ CỦA CÂY CAO SU TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI

1.1.1. Đặc điểm của cây cao su

1.1.1.1. Đặc điểm sinh học

Trong sản xuất người ta trồng cây cao su với mật độ từ 400-571 cây/ ha, chia làm 2 thời kỳ đó là thời kỳ kiến thiết cơ bản thông thường là 7 năm và thời kỳ kinh doanh bắt đầu từ năm thứ 8 trở đi.

1.1.1.2. Đặc tính của mủ cao su

Mủ cao su là một chất lỏng phức hợp, có thành phần và tính chất khác biệt nhau tùy theo loại, có thể nói đó là một trạng thái nhũ tương (thể sữa trắng đục) của các hạt tử cao su trong môi trường phân tán lỏng mà chúng ta gọi là mủ cao su nước.

1.1.2. Vai trò và giá trị kinh tế của cây cao su

Cây cao su từ khi trở thành hàng hoá, công dụng của nó ngày càng được mở rộng. Hiện nay mủ cao su trở thành một trong bốn nguyên liệu chính của ngành công nghiệp thế giới, với vai trò quan trọng hàng đầu có hơn 50.000 công dụng được ứng dụng vô cùng rộng rãi trong công nghiệp cũng như trong đời sống hàng ngày.

Ngoài sản phẩm chính là mủ, nguồn gỗ từ việc chặt bỏ cây cao su già cỗi để trồng mới là một nguồn thu đáng kể, hàng năm các công ty chế biến gỗ cao su thu về hàng trăm tỷ đồng, tạo việc làm cho hàng ngàn lao động. Ngoài ra, cây cao su còn có vai trò bảo vệ môi trường, phủ xanh đất trống đồi núi trọc, chống xói mòn, bảo vệ lớp đất bề mặt, giữ độ ẩm và cản gió cho vùng sinh thái.

Về giá trị thương mại cao su thiên nhiên đóng vai trò hết sức quan trọng trong các ngành công nghiệp, đặc biệt là ngành công nghiệp sản xuất lốp xe. Giá cao su xuất khẩu bình quân tăng liên tục đã đem lại nhiều lợi ích thiết thực cho đất nước tăng kim ngạch xuất khẩu, thu ngoại tệ.

1.1.3. Ý nghĩa của việc phát triển sản xuất cây cao su

Cây cao su là một loài cây dễ thích nghi, phát triển trên những vùng đất khó khăn, nghèo kiệt, những vùng rừng tạp cho kinh tế

thấp... Vì thế, ngoài việc tận dụng những diện tích đất cằn cỗi, quá trình trồng, chăm sóc, khai thác đối với cây cao su là một quá trình đem đến nhiều lợi ích cho người dân sống trong vùng trồng, đó là giải quyết công ăn việc làm cho người dân từ việc trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến các sản phẩm từ cây cao su.

Việc phát triển các nông trường cao su, nhà máy chế biến mủ cao su đã thúc đẩy việc hình thành hàng loạt các thị trấn, thị tứ (trung tâm kinh tế - xã hội) tại các vùng sâu, vùng xa, vùng đồi núi khó khăn qua đó đã góp phần xoá đói, giảm nghèo, điều hoà dân cư trên phạm vi cả nước, thúc đẩy quá trình định canh định cư các dân tộc ít người, tạo công ăn việc làm, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân địa phương.

Các rừng cây cao su có khả năng chống xói mòn bảo vệ đất, việc trồng cây cao su góp phần phủ xanh đất trống đồi núi trọc, tạo cân bằng về mặt sinh thái, góp phần tốt trong việc bảo vệ môi trường tự nhiên.

1.2. NỘI DUNG VÀ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CÂY CAO SU

1.2.1. Nội dung phát triển sản xuất cây cao su

Dựa trên cơ sở lý luận về phát triển kinh tế, chúng ta có thể quan niệm phát triển cây cao su là sự gia tăng về quy mô, sản lượng và sự tiến bộ về cơ cấu cây trồng, cơ cấu chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh tế - xã hội. Như vậy, phát triển cây cao su bao hàm cả sự biến đổi về số lượng và chất lượng.

- Sự phát triển về mặt lượng trong sản xuất cao su là việc làm gia tăng khối lượng sản phẩm cao su sản xuất, gia tăng tổng giá trị sản xuất cao su, gia tăng sản lượng hàng hóa cao su, mở rộng thị trường tiêu thụ... điều đó được thực hiện thông qua sự gia tăng các

yếu tố đầu vào như: gia tăng quy mô diện tích cây trồng (thông qua khai hoang, phục hóa)

- Sự phát triển sản xuất cao su về mặt chất là nâng cao hiệu quả của hoạt động sản xuất cao su và gia tăng sự đóng góp sản xuất cao su cho kinh tế xã hội của địa phương.

1.2.2. Các chỉ tiêu đánh giá phát triển sản xuất cao su

1.2.2.1. Nhóm chỉ tiêu đánh giá về mặt lượng

- Sự gia tăng về diện tích.
- Sự gia tăng về sản lượng, sản lượng cao su hàng hóa.
- Sự gia tăng về tổng giá trị sản xuất.

1.2.2.2. Nhóm chỉ tiêu phản ánh kết quả và HQKT cây cao su

su

Trong sản xuất cao su, thường sử dụng các chỉ tiêu sau để đánh giá hiệu quả:

- + Sản lượng cây cao su.
- + Năng suất cây trồng (năng suất đất, năng suất lao động).
- + Giá trị sản xuất (GO)/ đơn vị diện tích.
- + Giá trị sản xuất /chi phí trung gian (GO/IC).
- + Giá trị gia tăng (VA)/ đơn vị diện tích.
- + Giá trị gia tăng/ chi phí trung gian (IC).
- + Tỷ suất lợi nhuận/ chi phí.
- + Thu nhập/ đơn vị diện tích (vốn).

Trong đó các chỉ tiêu được tính như sau:

+ Tổng Giá trị sản xuất (GO):

$$GO = P \times Q \quad \text{Trong đó: } P: \text{ giá bán/kg mủ cao su}$$

$$Q: \text{ sản lượng mủ cao su}$$

+ Tổng chi phí sản xuất (TC) = IC + KH + Công lao động

gia đình

+ Lợi nhuận = Doanh thu - Chi phí

+ Giá trị hiện tại của khoản đầu tư (PV)

$$PV = \sum A_i * (1+r)^{-n}$$

Trong đó:

A_i : Doanh thu năm thứ i

r : Lãi suất chiết khấu, được xác định

bằng lãi suất cho vay của ngân hàng theo dự án là 10,2%/năm.

i : Năm thứ i

n : Số năm của chu kỳ sản xuất

Trong luận văn này chúng tôi quy đổi tất cả các khoản đầu tư của 11 năm về hiện giá tại thời điểm năm 2010.

+ Tỷ suất sinh lời vốn đầu tư:

Hiện giá thuần (NPV): $NPV = PV - TC$

Chỉ số sinh lời (B/C) = thu nhập/chi phí

1.2.2.3. Nhóm chỉ tiêu phản ánh đóng góp của cây cao su vào phát triển kinh tế-xã hội của địa phương

- Góp phần chuyển dịch cơ cấu cây trồng.
- Tăng số lao động có việc làm.
- Tăng thu nhập của người trồng cao su.
- Giảm tỷ lệ đói nghèo....

1.3. NHỮNG NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SẢN XUẤT CÂY CAO SU

1.3.1. Nhóm yếu tố về điều kiện tự nhiên

Các yếu tố về điều kiện tự nhiên bao gồm: Đất đai; Độ dốc; Độ sâu tầng đất; Khí hậu nhiệt độ; Lượng mưa và độ ẩm; Gió; Giờ chiếu sáng, sương mù; Khả năng chịu hạn và yếu tố Khả năng chịu úng.

1.3.2. Nhóm yếu tố về điều kiện kinh tế - xã hội

Yếu tố về kinh tế - xã hội gồm: Tăng trưởng kinh tế; Lao động

và Cơ sở hạ tầng.

1.3.3. Các chính sách của Nhà nước về phát triển cây cao su

Các chính sách của nhà nước về phát triển cây cao su bao gồm: Chính sách về đất đai; Chính sách về vốn; Chính sách về chế biến và tiêu thụ sản phẩm cao su.

1.3.4. Yếu tố thị trường

Giá cả; Nhu cầu; Sự cạnh tranh; Điều kiện sản xuất; Đất đai; Vốn và Yếu tố kỹ thuật.

1.4. KINH NGHIỆM SẢN XUẤT CÂY CAO SU Ở CÁC ĐỊA PHƯƠNG

Các mô hình sản xuất cao su tiêu biểu ở một số địa phương như: Mô hình trồng xen lạc với cao su tiểu điền ở huyện Đức Cơ tỉnh Gia Lai; Mô hình trồng cây cao su tiểu điền ở Quảng Bình; Kinh nghiệm ở các tỉnh miền núi phía Bắc. Một số bài học kinh nghiệm rút ra.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CÂY CAO SU TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN SA THẦY, TỈNH KON TUM

2.1. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CÂY CAO SU Ở VIỆT NAM VÀ TỈNH KON TUM

2.1.1. Tình hình sản xuất và tiêu thụ cao su ở Việt Nam

2.1.1.1. Tình hình sản xuất cao su

2.1.1.2. Thị trường tiêu thụ

2.1.2. Tình hình phát triển sản xuất cao su tại tỉnh Kon Tum

2.2. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CÂY CAO SU TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN SA THẦY

2.2.1. Diện tích, sản lượng, năng suất cao su trên địa bàn huyện Sa Thầy

Sau ngày giải phóng đất nước cây cao su được du nhập và trồng thử nghiệm lần đầu tiên ở huyện Sa Thầy vào năm 1975 với quy mô và diện tích nhỏ lẻ, phân tán, tỷ lệ cây sống ít, năng suất thấp.

Sau những năm 90 khi Nhà nước có chủ trương cho nhân dân được vay vốn từ chương trình phủ xanh nhanh đất trống, đồi núi trọc của Chương trình 327 để phát triển trồng cao su... khi đó mới bắt đầu có vườn cây cao su nhân dân, vị trí cây cao su trên địa bàn huyện Sa Thầy đã dần được khẳng định nên người dân mới bắt đầu chú trọng vào việc trồng cao su.

Bảng 2.4: Diện tích cao su của huyện Sa Thầy giai đoạn 2001-2005

Năm	Tổng diện tích (ha)	Cao su quốc doanh (ha)	Cao su tiểu điền (ha)
2001	2.068	1.533	535
2002	2.860	2.033	827
2003	3.352	2.333	1.019
2004	3.789	2.557	1.232
2005	4.277	2.785	1.492

Nguồn: UBND huyện Sa Thầy

Những năm sau nhận thức của người dân về giá trị cây cao su nên ngày càng được chú trọng hơn. Chính vì vậy mà diện tích cây

cao su trong những năm qua tăng rất nhanh. Theo số liệu thống kê năm 2002 diện tích cây cao su trên địa bàn huyện là 2.860 ha thì đến năm 2005 là 4.277 ha, trong đó diện tích cao su quốc doanh là 2.785,5ha (diện tích kinh doanh 60 ha), cao su tiểu điền là 1.491,5 ha (diện tích kinh doanh 83 ha).

Tốc độ phát triển bình quân diện tích cao su trên địa bàn qua 5 năm từ 2001- 2005 khoảng 20%, tăng 2.209 ha, tập trung ở các xã: Mô Rai, Sa Sơn, Sa Nhơn, Rời Koi...

Diện tích cao su của các nông trường quốc doanh chiếm tỷ lệ khá cao, chiếm 65% diện tích cao su toàn huyện. Diện tích cây cao su tiểu điền chiếm 35%, phân bố ở các xã có người Kinh sinh sống, chủ yếu là các trang trại trồng cây lâu năm, một số xã có diện tích cao su tiểu điền lớn như: Sa Nhơn 868,5 ha, Sa Sơn 353,5 ha, Ya Ly 103 ha....

Trong giai đoạn 2006-2010 một số hộ trở nên giàu có nhờ cao su. Chính vì vậy diện tích cao su tiểu điền trong giai đoạn này tăng lên đáng kể với 5.169 ha năm 2006 tăng lên 14.990 ha vào năm 2010.

*** Năng suất các vườn cây:**

Năng suất vườn cây cao su kinh doanh của các lâm trường trên địa bàn khoảng 1,2 tấn mù khô/ha/năm, năng suất vườn cây cao su nhân dân khoảng 1,5-1,8 tấn/ha/năm.

*** Tình hình tiêu thụ mủ:**

Cao su tiểu điền chủ yếu bán cho các nhà máy chế biến tư nhân, các tư thương mua sản phẩm mủ đánh đông, mủ tạp, để chuyên đi tiêu thụ ở các tỉnh. Các doanh nghiệp nhà nước đóng trên địa bàn tỉnh Kon Tum mua mủ cao su của nhân dân để chế biến số lượng rất hạn chế.

2.2.2. Kết quả và hiệu quả sản xuất cao su của các hộ điều tra

2.2.2.1. Năng lực sản xuất của các hộ điều tra

Chúng tôi đã tiến hành điều tra 75 hộ gia đình có diện tích cao su đã đưa vào khai thác trên địa bàn huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum.

Tổng diện tích trồng cao su của các hộ điều tra là 117 ha, khoảng một nửa các vườn cây đã bước vào thời kỳ kinh doanh và đã cho sản phẩm, phần còn lại đang được đầu tư chăm sóc và trồng mới, bình quân mỗi hộ là 1,56 ha.

2.2.2.2. Chi phí sản xuất của các hộ điều tra

*** Chi phí đầu tư cho 1ha cao su thời kỳ kiến thiết cơ bản**

Theo số liệu điều tra, tổng chi phí của năm trồng mới 1ha cao su tính cả công lao động gia đình (đào hố, trồng, chăm sóc) là 6.479,4 nghìn đồng trong đó chi phí phân bón là 1.288,5 nghìn đồng (chiếm 19,88%), chi phí giống và chi phí nhân công cũng chiếm tỷ trọng lớn.

*** Chi phí 1 ha cao su thời kỳ kinh doanh**

Sau 07 năm đầu tư chăm sóc, đến năm thứ 08 các hộ mới thu bói vụ đầu tiên, từ đây vườn cây bước vào thời kỳ kinh doanh.

Tổng chi phí thời kỳ kinh doanh bao gồm: chi phí nhân công, chi phí phân bón hóa chất, chi phí dụng cụ sản xuất và chi phí tài chính (trả lãi tiền vay). Chi phí bình quân thời kỳ này là 2,8 triệu đồng/ha.

2.2.2.3. Kết quả và hiệu quả sản xuất cao su hàng hóa

*** Kết quả sản xuất cao su hàng hóa của các hộ điều tra**

Qua số liệu điều tra thì thấy bình quân 1ha cao su vào thời kỳ kinh doanh có tổng giá trị sản xuất năm thứ nhất là 24,3 triệu đồng; năm thứ hai 39,6 triệu đồng; năm thứ ba 56 triệu đồng và đạt 91,8

triệu đồng vào năm thứ 4, tăng 64% so với năm thứ ba. Nguyên nhân của hiện tượng này là giá cao su mủ nước qua các năm đều tăng cao, cá biệt có năm đạt mức kỷ lục.

** Hiệu quả sản xuất cao su hàng hóa của các hộ điều tra*

Bảng 2.12: Kết quả sản xuất cao su hàng hóa của các hộ điều tra

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	N4/N3	
						+/-	%
Diện tích BQ hộ	Hộ/ha	1,56	1,56	1,56	1,56	-	-
Năng suất	Tạ/ha	27	36	40	54	14	35
Sản lượng	Tạ/hộ	42,12	56,16	62,4	84,24	21,84	35
Giá mủ	1.000 đ/tạ	900	1.100	1.400	1.700	300	21,4
Giá trị SXBQ	1.000 đ/ha	24.300	39.600	56.000	91.800	35.800	64
	1.000 đ/hộ	37.908	61.776	87.360	143.208	55.848	64

Nguồn: Số liệu điều tra năm 2010

Bình quân 1ha cao su thu hoạch năm thứ nhất được 24,3 triệu đồng trong khi đó chi phí trung bình cho 1ha năm cạo mủ thứ nhất 3,9 triệu đồng, trung bình 1 đồng chi phí bỏ ra tạo được 6,23 đồng giá trị sản xuất. Như vậy, đây là năm hoàn vốn hoạt động, là năm đầu tiên của thời kỳ kinh doanh nên các hộ bắt đầu mạnh dạng đầu tư về phân bón cho cây trồng để chuẩn bị cho việc mở miệng cạo.

Vào năm thứ 2 của thời kỳ kinh doanh, bình quân 1ha cao su thu được 39,6 triệu đồng tăng 63% so với năm thứ nhất. Đây là mức tăng khả quan đúng với đặc tính của cây cao su năm sau cao hơn năm trước trong giai đoạn đầu khai thác.

Quy đổi các khoản đầu tư (TC), khoản thu (GO) trong quá khứ về giá trị tại cùng một thời điểm vào năm thứ 4 của thời kỳ kinh doanh (năm 2010) với lãi suất chiết khấu (lãi suất cho vay mỗi hộ) là 0,85%/tháng hay 10,2%/năm với thời hạn vay là 07 năm (theo ngân hàng NN&PTNT). Với cách tính như trên thì đến năm thứ 9 doanh thu tích lũy là 30,5 triệu đồng, trong khi đó tích lũy chi phí là 20,6 triệu đồng. Như vậy, tại thời điểm này doanh thu đã bù đắp được chi phí cho cả chu kỳ đầu tư, do đó năm thứ 9 là năm thu hồi vốn đầu tư của nông hộ.

Bảng 2.14: Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả trồng cây cao su

Chỉ tiêu	ĐVT	Số lượng
- Thời kỳ KTCB	Năm	7
- Đầu tư KTCB bq/ha	1.000 đ	19.784,6
- Thời gian hoàn vốn	Năm	9
- NPV năm thứ 9	1.000 đ	9.852

Nguồn: Số liệu điều tra năm 2010

2.2.3. Đóng góp của cây cao su vào phát triển kinh tế - xã hội của huyện Sa Thầy

Góp phần chuyển dịch cơ cấu cây cao su theo hướng kinh tế hàng hoá, hình thành các vùng sản xuất tập trung chuyên môn hoá sản xuất cây cao su, chuyển dịch cơ cấu cây cao su phù hợp với yêu cầu và đòi hỏi của thị trường.

Hàng năm giải quyết việc làm cho hơn 5.000 lao động, góp phần nâng cao thu nhập của người dân. Đối với đồng bào nghèo việc sản xuất cây cao su là cây xoá đói giảm nghèo trên địa bàn huyện.

2.3. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CAO SU CỦA HUYỆN SA THẦY

2.3.1. Điều kiện tự nhiên

Sa Thầy có tổng diện tích tự nhiên là 2.415,35 km², chiếm gần 25% so với tổng diện tích tự nhiên của tỉnh Kon Tum, toàn huyện có 10 xã, 1 thị trấn.

Huyện Sa Thầy là huyện miền núi, nằm ở cực Nam tỉnh Kon Tum, được thành lập theo quyết định số 254-CP của Hội đồng Chính phủ ngày 10 tháng 10 năm 1978 trên cơ sở tách ra từ huyện Đăk Tô. Sa Thầy có nhiều dự án thủy điện lớn nằm ven con sông Sê San như thủy điện Sê San III, thủy điện Ya Ly, thủy điện Pleikrong ... Đây là huyện có mật độ dân số thấp nhất Việt Nam.

- Phía Bắc giáp huyện Ngọc Hồi;
- Phía Đông Bắc giáp huyện Đăk Tô, phía Đông (từ Bắc xuống Nam) lần lượt giáp huyện Đăk Hà và thành phố Kon Tum;
- Phía Nam huyện giáp với tỉnh Gia Lai, ranh giới là thượng nguồn sông Sê San;
- Phía Tây của huyện Sa Thầy là biên giới Việt Nam - Campuchia.

Trên địa bàn huyện Sa Thầy có quốc lộ 14C, tỉnh lộ 674 và tỉnh lộ 675, từ khoảng 60 km cách tỉnh lộ 675 là đến thị trấn Sa Thầy.

2.3.2. Điều kiện kinh tế - xã hội

2.3.2.1. Tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Tốc độ tăng trưởng năm 2010 đạt khoảng 16,67%, trong đó: Nông - lâm - thủy sản tăng 30% so với năm 2009; Công nghiệp xây dựng tăng 20,48%; Thương mại dịch vụ tăng 0,57%. Thu nhập bình quân đầu người tăng từ 7,19 triệu đồng năm 2009 lên 7,95 triệu đồng năm 2010. Trong những năm gần đây có sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế rõ rệt, năm 2010 cơ cấu kinh tế các ngành Nông - lâm nghiệp

chiếm 37,4%, Công nghiệp xây dựng chiếm 32,3%, Thương mại dịch vụ chiếm 30,3%.

2.3.2.2. Dân số, lao động, việc làm

Dân số trung bình của huyện Sa Thầy là 41.654 người, chiếm 9,62% so với dân số toàn tỉnh Kon Tum; trong đó nam 22.315 người chiếm 53,6%, nữ 19.339 người chiếm 46,4%, đồng bào dân tộc thiểu số chiếm trên 56%.

Tỷ lệ lao động trong độ tuổi/ tổng dân số cũng tăng từ 48,2% năm 2000 lên 55,3%/năm. Đây là nguồn lao động dồi dào đảm bảo cho nguồn lao động của huyện. Tổng số lao động đang làm việc trong ngành kinh tế tăng đều theo hàng năm.

2.3.2.3. Cơ sở hạ tầng

Huyện Sa Thầy có quốc lộ 14C đi qua với chiều dài 86 Km, tỉnh lộ 675 qua thị trấn Sa Thầy dài khoảng 60 Km, tỉnh lộ 674 đi qua địa bàn huyện và mạng lưới huyện lộ, đường liên thôn, liên xã.

Hiện tại toàn huyện có 25 công trình thủy lợi vừa, 13 công trình tiểu thủy nông và một số đập được xây dựng rải rác ở các xã. Tổng diện tích thiết kế là 616 ha ruộng 2 vụ.

Đã có lưới điện 22KV được lấy từ trạm Biên áp 110KV tại Thành phố Kon Tum. Hệ thống điện này được hạ thế 5 trạm biến áp trung gian. Hiện tại Sa Bình; thị trấn Ya li, Ya Xiêr đã có điện lưới quốc gia.

Toàn huyện hiện có 04 chợ, chủ yếu mua bán phục vụ tiêu dùng sinh hoạt hằng ngày và hàng nông sản, trong đó có một số chợ có vai trò trung gian thu gom hàng để đưa ra thị trường bên ngoài như chợ Trung tâm huyện, Rờ Koi, Ya Xiêr, Sa Bình.

Về tiêu thụ sản phẩm, người dân phải tự tìm thị trường ngoài địa bàn (bán sản phẩm nông nghiệp tại các chợ đầu mối ở thành phố).

2.3.2.4. Văn hóa, giáo dục, y tế

Toàn huyện có 41 trường học, trong đó 12 trường mầm non, 15 trường tiểu học, 12 trường trung học cơ sở, 01 trường phổ thông dân tộc nội trú và 01 trường phổ thông trung học. Tất cả các xã, thị trấn đều có trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở.

Đội ngũ giáo viên các ngành học, bậc học không ngừng bổ sung. Đến nay trên toàn huyện có gần 700 cán bộ, công chức, giáo viên, tỷ lệ đạt chuẩn, trên chuẩn trên 95%.

Cùng với sự phát triển của địa phương ngành y tế của huyện Sa Thầy cũng từng bước củng cố và phát triển, như: cơ sở hạ tầng được nâng cấp, trang thiết bị thiết yếu đầy đủ, hệ thống y tế được củng cố và phát triển với đội ngũ y, bác sĩ trên 50 người.

2.3.3. Các chính sách phát triển cao su tiểu điền

Trong những năm qua, được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước nên các loại hình sản xuất kinh doanh trong nông nghiệp nông thôn nước ta nói chung và huyện Sa Thầy nói riêng đã có những bước tiến đáng kể. Cụ thể, từ những năm đầu thập niên 90 của thế kỷ XX đến nay nước ta đã có những chủ trương, chính sách về phát triển cao su tiểu điền như:

- Ngày 15/02/1992, Chủ tịch hội đồng Bộ trưởng đã ra quyết định nêu rõ: “Theo phương hướng, chiến lược phát triển kinh tế, xã hội đến năm 2000, các cấp động viên cao độ sức lực, trí tuệ, tiền bạc của mọi thành phần kinh tế dưới nhiều hình thức và mức độ khác nhau tham gia dự án để phủ xanh đất trống đồi núi trọc, rừng bãi bồi ven biển và mặt nước”.

- Ngày 29/07/1998, Thủ tướng Chính phủ ra quyết định số 666 TTg về mục tiêu, nhiệm vụ, chính sách và tổ chức thực hiện trồng

mới 5 triệu ha rừng, trong đó cây cao su là một trong những cây được lựa chọn để thực hiện dự án.

2.3.4. Thị trường đầu vào và đầu ra cho sản xuất cao su

2.3.4.1. Thị trường các yếu tố đầu vào

Các yếu tố đầu vào như giống, vật tư phân bón ... thường xuyên biến động làm chi phí đầu tư của nông hộ biến động theo, năm sau thường cao hơn năm trước. Mặt khác, khi giá phân bón quá cao làm mức độ đầu tư cho cây cao su thường ít đi sẽ ảnh hưởng đến tình hình sinh trưởng, phát triển cũng như khả năng cho mủ sau này của cây cao su.

2.3.4.2. Thị trường tiêu thụ sản phẩm

* Kênh tiêu thụ cao su của các hộ nông dân đi theo ba hướng chính sau:

+ *Hướng thứ 1: Hộ trồng cao su-Thương lái-Xuất khẩu*

+ *Hướng thứ 2: Hộ trồng cao su-Thương lái-Cơ sở chế biến-Xuất khẩu*

+ *Hướng thứ 3: Hộ trồng cao su-Cơ sở chế biến- Xuất khẩu*

2.3.5. Điều kiện sản xuất của các nông hộ

Điều kiện sản xuất bao gồm: Tổ chức sản xuất; Quy mô diện tích đất; Năng lực về vốn; Trình độ chuyên môn; Mức độ đầu tư thâm canh; Nhân tố lao động.

2.3.6. Những thuận lợi, khó khăn trong phát triển cây cao su trên địa bàn huyện Sa Thầy

2.3.6.1. Thuận lợi

- Nông dân tham gia Dự án nhận được sự hỗ trợ khẩn trương tích cực về chủ trương và chính sách phát triển cao su tiểu điền từ cấp tỉnh, huyện, xã.

- Được sự hướng dẫn trực tiếp về kỹ thuật trồng mới và chăm sóc thông qua Tổ Khuyến nông cao su cùng đội ngũ Nông Dân Chủ Chốt được đào tạo và cơ cấu theo diện tích tại các địa bàn.

- Thời tiết những năm gần đây không có những biến động lớn, lượng mưa của các tháng trong mùa khô hạn, thỉnh thoảng cũng được cải thiện.

2.3.6.2. Khó khăn

- Giá cả vật tư, phân bón, công lao động trên thị trường đầy biến động và tăng cao.

- Các định kỳ chăm sóc trong năm của cây cao su năm cùng với thời vụ gieo trồng và thu hoạch của các cây trồng nông nghiệp khác, do vậy căng thẳng về lao động cũng như thời vụ dẫn đến hiệu quả chất lượng chăm bón vườn cây chưa được cao. Hơn nữa trình độ tiếp thu các ứng dụng khoa học kỹ thuật của đại đa số người dân còn hạn chế.

- Thời gian gần đây có một số hộ, họ không vay vốn, khả năng nguồn vốn tự có của họ đầu tư cho vườn cây chưa thật sự đảm bảo và bền vững.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CÂY CAO SU Ở HUYỆN SA THẦY TRONG THỜI GIAN ĐẾN

3.1. CĂN CỨ ĐỀ ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP

3.1.1. Dự báo tình hình sản xuất cao su trong nước và thế giới

3.1.2. Quan điểm về phát triển sản xuất cao su trên địa bàn huyện sa thầy

- Coi cây cao su là một cây trồng chủ lực của huyện.

- Chất lượng sản phẩm là yếu tố hàng đầu quyết định sự phát triển, mở rộng thị trường tiêu thụ và nâng cao giá trị.

- Nhà nước đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của ngành cao su.

3.1.3. Định hướng và mục tiêu phát triển cây cao su tại huyện Sa Thầy

3.1.3.1. Định hướng

- Thực hiện đa dạng hoá hình thức đầu tư, đa sở hữu (kể cả đầu tư nước ngoài) nhằm khai thác tốt hơn lợi thế đất đai, nâng cao khả năng cạnh tranh sản phẩm cao su.

- Định hướng đến năm 2015 là cùng với việc mở rộng diện tích cao su, nâng cao năng suất và mở rộng thêm một số nhà máy sơ chế mủ cao su để đáp ứng nhu cầu chế biến mủ trên địa bàn tỉnh.

- Thị trường là yếu tố rất quan trọng trong nền sản xuất hàng hóa. Hình thành kênh tiêu thụ hợp lý nhằm giảm thiểu chi phí marketing, nâng cao thu nhập cho người sản xuất và người tham gia lưu thông.

- Chăm sóc và cải tạo tốt vườn cây đã trồng để nhằm ổn định sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng.

- Tận dụng nguồn lao động dư thừa tại địa phương vào sản xuất cao su.

3.1.3.2. Mục tiêu phát triển

- Tổng diện tích cao su toàn huyện đạt 15.838 ha vào năm 2011 và đạt khoảng 25.976 ha vào năm 2015.

- Năng suất mủ bình quân tăng từ 4,9 tạ/ha năm 2006 lên 10,3 tạ/ha năm 2010 và đạt trên 10,76 tạ/ha vào năm 2015.

- Sản lượng mủ cao su đạt 4.096 tấn vào năm 2010 và đạt

6.484 tấn vào năm 2015.

- Giá trị sản xuất đạt 80 tỷ đồng vào năm 2010 và 120 tỷ đồng vào năm 2015.

- Giải quyết việc làm cho hơn 3.000 lao động vào năm 2015.

3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐỂ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CÂY CAO SU TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN SA THẦY

Để phát triển sản xuất cây cao su tiêu diên của huyện Sa Thầy thực sự ổn định và bền vững, cần thực hiện tốt những giải pháp chủ yếu sau đây:

- Hoàn thiện quy hoạch diện tích trồng cao su
- Giải pháp về đất đai
- Giải pháp về lao động
- Giải pháp về vốn
- Giải pháp về kỹ thuật, công nghệ
- Giải pháp về cơ sở hạ tầng
- Giải pháp về tiêu thụ

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Qua quá trình thực hiện đề tài “*Phát triển cây cao su ở huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum*” chúng tôi đưa ra một số kết luận và kiến nghị sau:

- Sa Thầy là một huyện miền núi của tỉnh Kon Tum, với điều kiện cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật và kinh tế xã hội còn nhiều hạn chế. Bên cạnh những khó khăn trên, Sa Thầy cũng có nhiều lợi thế về điều kiện tự nhiên, đất đai, mặt nước để phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa đa dạng và phong phú.

- Cây cao su có mặt trên vùng đất huyện Sa Thầy từ năm 1975 đến nay đã hơn 35 năm, trải qua nhiều giai đoạn thăng trầm. Song với sự hỗ trợ của các chương trình Chính phủ và địa phương, khởi nguồn

là Chương trình 327 bắt đầu từ năm 1993 và dự án Đa dạng hóa nông nghiệp (2002- 2006) đã làm cho cây cao su có sự phát triển nhanh cả về số lượng lẫn chất lượng.

- Do điều kiện chăm sóc cũng như ảnh hưởng của đất đai, thổ nhưỡng nơi đây nên thời kỳ KTCB của cây cao su kéo dài đến 07 năm với tổng chi phí đầu tư 1ha cho thời kỳ này là 19,8 triệu đồng; năm hoàn vốn hoạt động là năm thứ 8 và với cách quy đổi tất cả các khoản đầu tư của 11 năm về hiện giá tại thời điểm năm 2010, với lãi suất cho vay theo dự án 10,2%/năm thì năm thứ 9 là năm thu hồi vốn đầu tư.

- Cây cao su đã thực sự đem lại những chuyển biến sâu sắc trong đời sống của các hộ nông dân, các hộ dần trở nên rất yên tâm và tin tưởng vào hiệu quả mà cây cao su mang lại. Thu nhập chủ yếu của các hộ gia đình là thu nhập từ mủ cao su. Trước đây thu nhập của họ chỉ mang tính thời vụ nhưng bây giờ họ đã có thu nhập hàng ngày và ổn định hơn, bình quân từ 300.000- 800.000 đồng mỗi ngày.

- Tình hình tiêu thụ mủ cao su của các hộ nông dân trên địa bàn huyện cũng khá thuận lợi chủ yếu bán cho Thương lái và sau đó được Thương lái ra bán nhập cho công ty cao su và cơ sở chế biến.

- Tuy nhiên, Chính quyền huyện cần chú trọng việc nghiên cứu quy hoạch hợp lý và cải thiện cũng như xây dựng hệ thống các con đường liên thôn, liên xã, đường vào các Lô Cao su để phát triển sản xuất Cao su trên địa bàn được ổn định, bền vững và mang lại hiệu quả kinh tế cao trong những năm tiếp theo.

Qua quá trình thực hiện đề tài, nhận thấy được những tồn tại và hạn chế trong việc phát triển sản xuất cây cao su trên địa bàn huyện Sa Thầy tỉnh Kon Tum, để cây cao su có thể phát triển vững chắc và

ngày càng mang lại giá trị kinh tế cao cho người dân, chúng tôi mạnh dạn đề xuất một số kiến nghị sau:

- Tỉnh cần có quy hoạch chi tiết đối với quỹ đất dự kiến phát triển cao su trong thời gian tới, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển cao su.

- Nhà nước cần phải tích cực hoàn thiện các chính sách, chế độ về đầu tư phát triển cây cao su nhằm khuyến khích, động viên nhiều thành phần kinh tế tham gia vào việc phát triển mô hình này một cách có hiệu quả hơn. Vì cây cao su là cây có thời kỳ KTCB khá dài nên thời gian thu hồi vốn chậm do vậy trong hoạt động vay vốn cần có những chính sách phù hợp nhằm tạo điều kiện cho người dân có thể vay vốn một cách nhanh chóng, thuận tiện và sử dụng vốn đúng mục đích trong dài hạn. Các cấp chính quyền tại huyện, xã cần nhanh chóng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ để người dân có thể yên tâm trong đầu tư sản xuất.

** Đối với chính quyền huyện Sa Thầy*

- Cần có chính sách tuyên truyền, vận động mọi người dân trong việc phát triển kinh tế hộ gia đình và kinh tế trang trại trên địa bàn, để làm giàu cho bản thân, gia đình và cộng đồng. Đồng thời, phải có những phương hướng sản xuất phù hợp với điều kiện của địa phương, thực hiện đa dạng hóa trong sản xuất nông nghiệp gắn với những lợi thế so sánh mà vùng có được. Tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ gia đình trong việc tiếp cận với các chính sách ưu đãi của Nhà nước.

- Để mở các lớp tập huấn kỹ thuật cho người dân cần đẩy mạnh công tác khuyến nông, đào tạo các cán bộ kỹ thuật trồng, chăm sóc, khai thác vườn cây cao su theo từng giai đoạn kỹ thuật .

- Cần duy trì và tăng cường công tác giám sát chỉ đạo của tổ công tác cao su và cán bộ nông dân chủ chốt về tình hình chăm sóc và khai thác mủ cao su của người dân để có các biện pháp nhắc nhở kịp thời.

** Đối với hộ trực tiếp trồng cây cao su*

- Cần phải xác định rõ lợi ích lâu dài mang lại từ cây cao su. Phải xác định vai trò làm chủ thực sự trên diện tích cao su của mình để có thể chủ động đầu tư, nâng cao năng suất và chất lượng vườn cây.

- Chấp hành tốt quy trình kỹ thuật trồng cây cao su và hướng dẫn của cán bộ khuyến nông để vườn cây phát triển tốt cho năng suất mủ ổn định và bền vững. Tăng cường học hỏi kinh nghiệm, trau dồi kiến thức về canh tác cây cao su, kiến thức về thị trường, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

- Mạnh dạn vay vốn để đầu tư phục vụ nhu cầu sản xuất, mở rộng quy mô, tuy nhiên phải sử dụng đồng vốn hợp lý, hiệu quả và đúng mục đích.

- Thường xuyên nắm bắt thông tin về thị trường, giá cả và bảo quản tốt mủ cao su nhằm giữ vững chất lượng, tạo thương hiệu và đặc trưng mủ ở nơi đây.

- Đẩy mạnh phát triển sản xuất hàng hóa, góp phần thực hiện tốt quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Luôn có sự giao lưu trao đổi kinh nghiệm sản xuất giữa những người dân trồng cao su để hoạt động sản xuất mang lại hiệu quả cao.